

Số: 06/2023/QĐST- DSST

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 357 ; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 20/2023/ TLST-DSST, ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.**

Địa chỉ trụ sở: 266-268 N, phường V, quận B, TP. H1.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D.

Chức vụ : Tổng giám đốc.

Địa chỉ chi nhánh: Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh H – PGD K (Khu TTTM D1, xã D1, huyện K, tỉnh H).

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Trà G – Trưởng phòng GD K.

(Theo quyết định ủy quyền số: 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S )

**- Bị đơn: Ông Phạm Năng T, sinh năm 1981.**

Đăng ký HKTT và trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1.** Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 27/5/2019, tính đến ngày 13/6/2023 ông Phạm Năng T còn nợ Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh H – PGD K tổng số tiền là 71.025.770đ (Bảy mươi một triệu, không trăm hai mươi năm nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc là 36.662.189đ (Ba mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm tám mươi chín đồng); Lãi quá hạn là 34.363.581đ (Ba mươi tư triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm tám mươi một đồng).

**2.2. Thời hạn trả nợ:**

Chậm nhất là ngày 15 tháng 7 năm 2023, ông Phạm Năng T phải trả cho Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh H – PGD K toàn bộ số tiền gốc, lãi là 71.025.770đ (Bảy mươi một triệu, không trăm hai mươi năm nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày 14/6/2023, ông T còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi trả dứt nợ vay. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S thì lãi suất đối với số tiền mà ông T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh H – PGD K theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S.

**2.3. Về án phí:**

Ông Phạm Năng T thuộc đối tượng người khuyết tật và có đơn xin miễn án phí DSST nên ông T được miễn toàn bộ án phí DSST.

Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh H – PGD K phải chịu án phí DSST có giá ngạch là 887.807đ (Tám trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm linh bảy đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.734.000đ (Một triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008348 ngày 05/6/2023 thì Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh H – PGD K được hoàn lại 846.193đ (Tám trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm chín mươi ba đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện K/C;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu H1**